

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ C**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 11 – 2021

V/v ly hôn giữa chị T và anh K.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

2. Ông **Lê Anh Khoa**

- Thư ký phiên tòa: Cô **Trần Thái Minh Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, thành phố C tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Lộc** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố C tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 676/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **La Huỳnh Lệ T**, sinh năm 1971 (*có mặt*).

Địa chỉ: F6 T1, Khu tập thể 16B, phường H, quận N, thành phố C

2. Bị đơn: Ông **Thạch Quang K**, sinh năm 1964 (*có mặt*).

Địa chỉ: F6 T1, Khu tập thể 16B, phường H, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà La Huỳnh Lệ T trình bày:

Qua tìm hiểu chúng tôi tự nguyện đi đến hôn nhân năm 1991, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/1991 tại UBND phường A, thành phố C, tỉnh G (cũ). Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau đó, chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm sống, không thể tìm được tiếng nói chung và kể từ đó cho đến nay cả hai không còn sự quan tâm, chăm sóc để vun đắp cho đời sống vợ chồng. Cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn hạnh phúc nhưng vẫn không có kết quả. Nay do không thể duy trì hôn nhân, nếu cứ kéo dài sẽ ảnh hưởng đến tinh thần của cả hai và các con nên bà xin được ly hôn với ông Thạch Quang K.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Thạch H (nam) sinh ngày 11/4/1992 đã trưởng thành và Thạch Hoàng N1 (nữ), sinh ngày 29/6/2008. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N1. Bà T không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Thạch Quang K tại bản tự khai ngày 12/3/2021 trình bày:

Ông không muốn ly hôn với vợ, thấy không có chuyện gì hết nên ông không muốn. Nay ông viết xin quý Tòa coi lại.

Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải mà Tòa án đã lập ngày 12/3/2021 ông K đã dự nhưng sau đó tự ý bỏ về không đồng ý ký tên vào các biên bản.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà La Huỳnh Lệ T giữ yêu cầu khởi kiện ban đầu là xin được ly hôn với ông Thạch Quang K, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung chưa đủ 18 tuổi là Thạch Hoàng N1 (nữ), sinh ngày 29/6/2008, không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Thạch Quang K không đồng ý ly hôn, ông xác định chỉ sử dụng hung khí là dao để dọa bà T 01 lần nhưng chỉ là cầm dao lên thôi chứ không làm gì khác, ông cho rằng không có mâu thuẫn gì phải ly hôn. Trường hợp Tòa án cho ly hôn

thì ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con là N1, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung ông không có yêu cầu gì.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử và của nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền thụ lý vụ án là đúng. Về xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Nhận thấy hôn nhân được xây dựng, vun đắp tình cảm từ hai phía, các thành viên có nghĩa vụ yêu T chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên theo trình bày của bà T, giữa bà và ông K đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm, ông K xin đoàn tụ nhưng ông K không đưa ra được giải pháp nào hàn gắn hạnh phúc gia đình khả thi. Tại phiên tòa bà T vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông K, điều này chứng tỏ hôn nhân đã thực sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở xem xét. Đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của nguyên đơn: Do cháu Thạch Hoàng N1, sinh ngày 29-6-2008 đã 13 tuổi, có tự khai xin được sống với bà T nên xét nguyện vọng cháu muốn được sinh sống cùng ai. Hiện nay cháu Ngân do đang sống với bà T và cả ông K, tuy nhiên quy xem xét tự khai, cháu Ngân có ý kiến mong muốn được sống với mẹ nên giao cháu cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng, tuy nhiên ông K tại phiên tòa tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn và bị đơn đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Trên đây là toàn bộ quan điểm về giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận N nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Bà La Huỳnh Lệ T và ông Thạch Quang K tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn khi phát sinh tranh chấp sẽ thuộc sự điều chỉnh của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do ông K là bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N,

Về hôn nhân: Bà T và ông K tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng triệu tập ông K đến nhằm tạo điều kiện hòa giải hàn gắn cho các bên nhưng ông K chỉ tự khai không muốn ly hôn mà không đưa ra được giải pháp hàn gắn, đoàn tụ nào khả thi. Đồng thời, khi Tòa án lập biên bản hòa giải ông K lại tự ý bỏ về không đồng ý ký tên vào biên bản hòa giải, điều đó cho thấy ông K không tha thiết hàn gắn hôn nhân. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã dành nhiều thời gian để hòa giải cho các bên nhưng theo trình bày của nguyên đơn bà T cho thấy bị đơn ông K đã sử dụng vũ lực uy hiếp tinh thần đối với bà T, ông K cũng thừa nhận đã sử dụng hung khí là dao để dọa bà T 01 lần nhưng chỉ là cầm dao lên thôi chứ không làm gì khác.

Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân phải dựa trên tình cảm tự nguyện, từ ngày hòa giải đến hôm nay đã hơn 08 tháng nhưng tại phiên tòa bà T vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông K. Ông K tại phiên tòa cũng không đưa ra được giải pháp hàn gắn nào khả thi. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Giữa bà T và ông K có 02 con chung là Thạch K Hoàng (nam) sinh ngày 11/4/1992 đã trưởng thành và Thạch Hoàng N1 (nữ), sinh ngày 29/6/2008. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1 sau khi ly hôn. Hiện nay mặc dù cháu Ngân đang sống với cả bà T và ông K nhưng cháu Ngân đã trên 07 tuổi nên căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình phải xem xét đến nguyện vọng của con. Tòa án đã triệu tập cháu Ngân đến Tòa và cháu Ngân có tự khai mong muốn được sống chung với mẹ. Tại phiên tòa, bà T trình bày rằng bà có nghề nghiệp, có thu nhập ổn định đủ để nuôi dưỡng cháu Ngân nên Hội đồng xét xử thấy rằng bà T đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, Tòa án nhận thấy do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nhưng căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần buộc ông K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, ông K xác định mức thu nhập

bình quân của ông là 6.000.000 đồng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là N1 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của ông K. Theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì ông K vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên nếu ông K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T vẫn có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông K.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu Thạch Hoàng N1, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông K xác định không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận N và quan điểm của Hội đồng xét xử là thống nhất nên ghi nhận.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật. Ông K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 ngày 26/12/2016 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao quy định án phí, lệ phí tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa bà La Huỳnh Lệ T và ông Thạch Quang K.
2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung là cháu Thạch Hoàng N1 (nữ), sinh ngày 29-6-2008 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của ông K là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ngân tròn 18 tuổi. Dành quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung cho ông K không ai có quyền ngăn

cản. Trường hợp ông K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T vẫn có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông K.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu Ngân, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. *Về án phí*: Bà T phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí được chuyển số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 003545 ngày 08/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố C thành án phí hôn nhân. Bị đơn ông Thạch Quang K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. N;
- Chi cục THADS Q. N;
- UBND TT Mỹ Lương-CM-An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG